

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 378/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 9 - 2022

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Yến Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hồ Quang Minh

Bà Nguyễn Kim Lân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 407/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 357/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thảo N, sinh năm 1993 (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 15, xã K, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Ngọc Q, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M A, xã K, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thảo N trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Ngọc Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, không hợp nhau và không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trầm trọng không thể hàn gắn. Hiện tại bà cho rằng cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Phạm Ngọc Q.

- Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Quốc A, sinh ngày 10/01/2014 và Phạm Quốc Khang, sinh ngày 19/11/2015. Hiện bà đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Khi ly hôn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết được tiếp tục nuôi dưỡng các con, yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, bà Nguyễn Thảo N có yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt do đi làm ở công ty, không đảm bảo điều kiện tham gia tố tụng theo triệu tập.

*Đối với bị đơn ông Phạm Ngọc Q, quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và xét xử nhưng ông Q vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản phản hồi ý kiến.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thảo N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Phạm Ngọc Q hiện đang cư trú tại địa chỉ ấp M A, xã K, huyện Trần Văn Thới, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thới, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Phạm Ngọc Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng ông Q vắng mặt không lý do, bà Nguyễn Thảo N xin xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông Q.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Q được xác lập vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Trần Văn Thới, tỉnh Cà Mau theo quy định nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình chung sống, bà N xác định vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, không hợp nhau và không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng gay gắt, không thể hàn gắn dẫn đến quan hệ hôn nhân càng ngày càng trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Phạm Ngọc Q, trong khi đó ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có văn bản ý kiến phản hồi, điều đó cho thấy ông Q không có thiện chí để hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của bà N và ông Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thảo N, cho bà N ly hôn với ông Phạm Ngọc Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thảo N và ông Phạm Ngọc Q có 02 con chung là: Phạm Quốc A, sinh ngày 10/01/2014 và Phạm Quốc Khang, sinh ngày 19/11/2015. Khi ly hôn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết được tiếp tục nuôi dưỡng các con, yêu cầu ông Phạm Ngọc Q cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tại Biên bản làm việc ngày 08/8/2022, Phạm Quốc A và Phạm Quốc Khang trình bày là có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà Nguyễn Thảo N, trường hợp cha mẹ ly hôn.

Trong khi đó, ông Q cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu nuôi con do

bà N đặt ra và cũng không thể hiện ý kiến đối với vấn đề nuôi con, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N và nguyện vọng của hai cháu Quốc A và Quốc Khang. Giao cháu Phạm Quốc A, sinh ngày 10/01/2014 và Phạm Quốc Khang, sinh ngày 19/11/2015 cho bà Nguyễn Thảo N có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thảo N yêu cầu ông Phạm Ngọc Q cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Q không trực tiếp nuôi con phải có trách nhiệm và nghĩa vụ cấp dưỡng, bà N không đặt ra yêu cầu mức cấp dưỡng cụ thể, do đó xét thấy mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/cháu là phù hợp, đảm bảo nhu cầu thiết yếu cho các cháu. Vì vậy, buộc ông Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Phạm Quốc A, sinh ngày 10/01/2014 và Phạm Quốc Khang, sinh ngày 19/11/2015, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 26/9/2022 cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thảo N xác định tự thỏa thuận đối với tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Phạm Ngọc Q thì vắng mặt và không có ý kiến gì về phần tài sản và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau này, nếu có phát sinh tranh chấp, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu về phần tài sản, nợ chung thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thảo N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và ông Phạm Ngọc Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các điều 147, 227, 228, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 53, Điều 56, 58, 69, 81, 82, 83, 107, 110 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thảo N, cho bà Nguyễn Thảo N ly hôn với ông Phạm Ngọc Q.

2. Về con chung: Giao Phạm Quốc A, sinh ngày 10/01/2014 và Phạm Quốc Khang, sinh ngày 19/11/2015 cho bà Nguyễn Thảo N có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên.

Ông Phạm Ngọc Q không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không

được tạm dừng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Nguyễn Thảo N.

3. Về cấp dưỡng: Buộc ông Phạm Ngọc Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu: Phạm Quốc A, sinh ngày 10/01/2014 và Phạm Quốc Khang, sinh ngày 19/11/2015 mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 26/9/2022 cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thảo N, trường hợp ông Phạm Ngọc Q chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

4. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết. Sau này, nếu có phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu về phần tài sản và nợ chung thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thảo N phải chịu 300.000 đồng, bà N đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0005054 ngày 30/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu.

- Án phí về cấp dưỡng: Ông Phạm Ngọc Q phải chịu 300.000 đồng.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Trần Văn Thời
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Yến Phương**